

PHONG TỤC VÀ TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC SINH ĐỂ- CHĂM SÓC SỨC KHOẺ BÀ MẸ VÀ TRẺ SƠ SINH CỦA TỘC NGƯỜI NÙNG Ở THƯỢNG DU YÊN THẾ TỈNH BẮC GIANG

BÙI VĂN THÀNH

I. NGƯỜI NÙNG VỚI KẾ HOẠCH HOÁ SINH ĐỂ

Trong việc kế hoạch hoá sinh đẻ, phụ nữ người Nùng đã sớm có ý thức đẻ thưa, đẻ ít con. Người Nùng với quan niệm đẻ thưa là ba năm đôi, hoặc bốn năm đôi và ít con là từ năm đến sáu người con. Đây là những quan niệm có thể coi là tính chất truyền thống của người Nùng ở thượng du Yên Thế trước thập kỷ 70 ở thế kỷ XX. Ngày nay với ảnh hưởng của văn hoá mới, của văn minh công nghiệp. Với chính sách kế hoạch hoá gia đình, người Nùng đẻ ít hơn, song không phải ai cũng nhận thức được như vậy.

Nếu so sánh tỷ lệ đẻ của người Nùng với người Kinh trước những năm 60-70 của thế kỷ này, thì người Kinh có tỷ lệ sinh cao gấp đôi hoặc gấp rưỡi người Nùng.

Thí dụ: cũng làm nghề nông, trồng lúa nước, ở thời điểm những năm 60, thì người Kinh ở miền xuôi, lên thượng du Yên Thế lập nghiệp sinh sống, mỗi gia đình có bảy-tám thậm chí có chín-mười người con, trong khi người Nùng chỉ có năm-sáu, nhiều là bảy người con.

Nguyên nhân của nó có nhiều, song qua những đợt điền dã cho thấy như sau:

Thứ nhất, với người Nùng, họ quan niệm đẻ nhiều, người phụ nữ mất

nhiều máu, yếu ớt xanh xao, không khoẻ mạnh, không lo toan được công việc trồng bông dệt vải, may mặc, thêu thùa, dạy con cái, nhất là dạy con gái may vá, thêu dệt, và đẻ nhiều chóng già, chóng thành ma.

Thứ hai; Đẻ nhiều, với tín ngưỡng của người Nùng, họ cho rằng có một loại ma chuyên đi hút, ăn máu người đẻ, và nếu không đủ máu cho ma hút thì nó sẽ bắt con hoặc mẹ.

Thứ ba khiến người Nùng đẻ ít và có kế hoạch đẻ ít vì khi con cái trưởng thành thì bố mẹ phải lo tổ chức cưới gả cho con, với con gái chỉ cần dạy con giỏi nội trợ, may vá thêu dệt; nhưng với con trai thì cần phải có nhiều tiền, bạc trắng, trâu, bò... thì mới lấy được vợ. Nếu nghèo con trai sẽ khó lấy vợ.

Ba nguyên nhân chính trên đây khiến người Nùng phải có kế hoạch đẻ thưa và đẻ ít. Trừ trường hợp ngoại lệ vì hiếm con trai, hoặc không có con trai thì người phụ nữ phải đẻ nhiều.

Để đảm bảo được việc đẻ thưa, hoặc không đẻ, phụ nữ người Nùng đã chủ động bàn bạc thống nhất với chồng và đến nhà thầy mo, thầy tào, hoặc mời thầy về nhà mình cúng thân linh và xin "thuốc dẫu" cho đẻ thưa, hoặc không đẻ, theo ý muốn của vợ chồng. Sau khi cúng thân linh xong, thầy mo lấy "thuốc dẫu" cho người phụ nữ bỏ vào túi áo, hoặc cặp quần, cặp váy, hoặc đeo ở trong người. Như vậy từ khi người phụ nữ mang thuốc

dấu trong người sẽ không có thai nữa. Chừng nào muốn có thai để đẻ thì lại đến nhà thầy mo, hoặc mời thầy đến nhà mình cúng thân linh, xin đẻ và bỏ thuốc dấu đó ra. Sau đó về nhà một thời gian người phụ nữ đó lại có mang và chữa đẻ bình thường. Khi nào không muốn đẻ nữa thì lại đến xin thầy mo cúng thân linh và cho mang "thuốc dấu" đó ở trong người.

Vấn đề "thuốc dấu" đó như thế nào? chúng tôi đã có những dịp tiếp cận với những phụ nữ mang thuốc dấu trong mình, họ đều cho biết thuốc dấu này của thầy mo-thầy tào; họ chỉ biết rằng đó là một thứ lá cây thảo mộc, được thầy tào, thầy mo lấy ở rừng mang về, sau khi cúng thân linh thì phù phép vào lá đó và trao cho họ. Các lá đó được thầy mo vò nát dập, gói vào trong túi vải nhỏ, hoặc trong túi giấy bản, bỏ vào túi áo, cặp váy hoặc đeo trong người. Không phải thầy tào, thầy mo nào cũng biết thứ lá "dấu" đó và họ không nói cho người lạ biết, mà chỉ truyền lại cho em gái hoặc con gái trong nhà. Khi tiếp xúc với một thầy mo là một bà lão 65 tuổi, chúng tôi được biết đó là một loại cây thảo mộc và được gọi tên là cây thuốc "dấu".

Như vậy với cây thuốc dấu, phụ nữ người Nùng mang nó trong người sẽ không thể chữa đẻ, và họ chỉ chữa đẻ khi nào muốn.

II. VẤN ĐỀ CHĂM SÓC BÀ MẸ MANG THAI VÀ SAU KHI ĐẸ.

Nếu như việc mang "thuốc dấu" trong người phụ nữ, để đảm bảo được kế hoạch không mang thai, thì khi cần phải chữa đẻ, người phụ nữ lại được chuẩn bị một cách chu đáo hơn. Khi biết mình đã có thai, người phụ nữ Nùng thường tắm bằng nước nóng được đun bằng lửa. Mỗi tháng họ phải tắm vài ba lần, hoặc mỗi tuần một lần gồm:

- Lá cây gai, củ củ gai, một nắm to

- Lá cây đùm đùm một nắm to (mác Tin Tang)

- Vỏ quả bưởi tươi hoặc phơi khô, (nếu không có vỏ quả thì lấy lá và vỏ cây đều được) một nắm nấu chín kỹ. Nếu có điều kiện có thể đun tắm nước lá thơm nhiều hơn. Người Nùng cho rằng tắm nước lá thơm nhằm để dưỡng thai nhi. Trước khi tắm, người ta múc ra một bát để nguội, khi tắm xong thì uống bát nước đó. Tắm và uống được như vậy cái thai mới khoẻ, sau này đứa con đẻ ra mới thật khoẻ mạnh, không dị tật, mát da, mát thịt dễ nuôi con và người mẹ dễ đẻ.

Ngoài việc dùng nước lá thơm để tắm gội, uống khi có thai, người phụ nữ cần phải kiêng:

- kiêng đánh rắn nếu gặp. Họ cho rằng nếu phụ nữ có chữa, đánh rắn sau này khi đẻ con sẽ thè lè lưỡi như rắn.

- kiêng hái hoa quả vì sợ làm như vậy, hoa quả sẽ lép và rụng hết.

- Kiêng không với những đồ vật ở trên cao, họ cho và tin rằng làm như vậy sẽ sai cuống rau ở trong bụng, e rằng, sẽ sẩy thai. Trong trường hợp thấy đau bụng, nghĩa là đã sai cuống rau, người ta dùng một nắm vùng vãi xuống đất, người có thai cúi xuống nhặt hạt vùng và phải nhặt từng hạt, làm như vậy là để cho cuống rau trong bụng trở lại vị trí cũ.

Ngoài ra sắp đến ngày đẻ, người phụ nữ mang thai thường được ăn bún với rau mùng tơi nấu canh hoặc luộc, ăn như vậy để đến khi đẻ thì sẽ dễ đẻ. Khi đẻ phụ nữ người Nùng có tục đẻ ngồi; những người khó đẻ thì người chồng hoặc mẹ, buộc dây thắt lưng vào xà nhà hoặc cột nhà; người phụ nữ vịn tay vào đó để rặn đẻ. ngay sau khi đẻ xong, mẹ tròn con vuông, người phụ nữ được ăn một bát rượu nếp. Rượu nếp này được làm và chuẩn bị từ trước. Cách làm rượu nếp như sau:

Dùng nếp cái, xay thành gạo, sàng sảy, bỏ hết trấu và sỏi sạn, bản, không được giã gạo, cần phải giữ nguyên áo cám của gạo mới tốt. Cho gạo vào ngâm khoảng 2-3 giờ đồng hồ. Sau đó vớt ra để ráo nước. Cho vào chõ, bắc trên nồi nước, dùng cám chít kín chỗ hở hơi chõ và nồi tiếp xúc với nhau. Trên chõ đập vung kín, bắc lên bếp đun hoặc gọi là đồ như ta đồ xôi. Đến khi chín bắc ra, dỡ cơm, tãi ra cái nia, hoặc mẹt, nhằm làm cho cơm xôi nguội và thoáng gió. Đến khi cơm xôi còn ấm này rắc men vào trộn đều. Men phải là loại men tốt dùng cho gạo nếp, không dùng men cho gạo tẻ. Khi đã trộn đều men với cơm xôi, họ dùng một cái thúng đã giặt sạch, để khô, thúng này phải chuẩn bị trước; người ta dùng lá "Chu ca", hái ở cây "Chu ca" trong rừng, lột, trải đều vài lượt lá xuống đáy và xung quanh thúng. Khi đó bốc cơm xôi đã được trộn đều với men cho vào thúng. Sau đó lại đập lá Chu Ca lên trên, để thúng vào chỗ cao, khô thoáng khí, sau vài ba ngày, thấy mùi thơm, mở ra thấy hạt xôi mềm, mọng, ném ngọt là được. Sau đó cho cơm rượu và trong một cái vò bằng sành có miệng dễ bịt kín, đồng thời người ta thả vào trong vò một hai chục trứng gà con so mới đẻ, đập nắp vò lại, đem vò rượu này chôn xuống đáy ở góc bếp, hoặc góc nhà, sau khoảng ba đến bốn tháng, hoặc lâu hơn càng tốt, khi đó mang lên dùng vào lúc trong nhà có người đẻ. Phụ nữ đẻ được ăn rượu nếp và trứng gà ngâm trong rượu nếp thì được coi rượu đó là thức ăn bổ dưỡng cho người đẻ, họ nói rằng, phụ nữ đẻ, ăn rượu nếp này có thể nhanh chóng khỏe mạnh, có nhiều máu, chóng phục hồi sức lực, không đau đầu, hoa mắt, không run chân tay. Đồng thời rượu này có tác dụng tiêu trừ máu độc, máu hôi xấu trong người, rượu có tác dụng khu

phong, chống tà, chống độc xâm nhập vào trong cơ thể người mới đẻ.

Sau khi ăn bát rượu nếp, người nhà chuẩn bị nấu cơm nếp với nghệ hoặc gừng, thịt gà cũng xào với nghệ hoặc gừng và mang cho người đẻ ăn. Về rau xanh, thường được ăn đu đủ hoặc quả mít non xào để người mẹ có nhiều sữa cho con bú. Những món ăn này được dùng hàng ngày trong suốt thời gian người mẹ ở cũ, có thể một tháng, hoặc hai ba tháng tùy theo những gia đình có điều kiện. Ngoài ra trong mấy tháng đầu, người đẻ còn được ăn trám quả kho với thịt lợn nạc hoặc thịt ba chỉ. Đây cũng là thức ăn bồi bổ cơ thể người mẹ đẻ, hoặc nữa là món ăn ướp đắng xào lòng gà. Người Nùng cho những thức ăn đó đều là những thứ bổ dưỡng, nhanh khỏe mạnh và chống được bệnh tật.

Về nước tắm gội của người phụ nữ sau khi đẻ, người Nùng dùng các thứ lá cây đun nước tắm gội, lau người hàng ngày. Một nồi nước tắm gồm có các lá:

- Lá bưởi, vỏ bưởi quả hoặc lá bưởi bung một nắm;
- Lá hồ bồ hoặc nhân trần một nắm;
- Lá cây bọ mảy (Mạy kỳ cây) một nắm;
- Dây lá bướm bướm một nắm;
- Cây lá câu đằng (pước câu) một nắm;
- Cỏ chỉ thiên một nắm; (nhả đản)
- Lá cúc tần một nắm;

Các thứ lá trên đều bằng nhau, rửa sạch cho vào nồi, nồi đất càng tốt, bắc lên bếp, đun sôi kỹ, múc ra một bát để nguội. Sau khi người đẻ dùng nước đó tắm gội xong thì uống bát nước múc ra và coi đó là bát nước thuốc rất tốt.

Bài thuốc lá tắm trên, làm cho người đẻ nhanh chóng khỏe, mạnh gân xương, khu phong, trừ tà, làm cho máu huyết lưu thông, ăn ngon, ngủ ngon, chống phù thũng, hậu sản, lao lực, chân

tay yếu, bầy run rẩy, làm tan máu huyết xấu ứ đọng trong người sau khi đẻ. Với bài thuốc trên nếu không có đủ bảy thứ lá thì có thể chỉ cần năm hoặc ba thứ lá đều được nhưng theo người Nùng sẽ không tốt bằng đủ bảy thứ lá như trên.

III. CHĂM SÓC TRẺ SƠ SINH

Khi nhà có người đẻ, gia đình treo một cành cây xanh ở cửa ra vào, thường là một cành dứa dại, một cành bọ mẩy, hoặc một cành cúc tần, nhằm báo hiệu cho mọi người vào biết nhà có người ở cũ, hơn nữa theo phong tục của người Nùng, thì cành lá đó cần được phong tà nhập vào buồng người đẻ.

Để chăm sóc trẻ sơ sinh, người Nùng kiêng, tránh người có vía độc, người dân dạn, người có tư cách không tốt, tiếp xúc lần đầu và trong thời gian đứa trẻ đang ở cũ, chưa đầy tháng tuổi. Kiêng như vậy vì người Nùng quan niệm đứa trẻ sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn đến sức khoẻ và tính tình của nó sau này.

Sau khi đẻ, trẻ sơ sinh được cho ăn mật ong, người mẹ dùng ngón tay chấm vào mật ong, thoa vào trong miệng đứa trẻ và bôi vào mí mắt ngày hai lần vào sáng sớm và buổi tối. Khi trẻ được ba ngày, người ta làm lễ, dựng bàn thờ cúng ma cho đứa trẻ ở trong buồng và bắt đầu cho đứa bé ăn nước cháo với mật ong, hoặc nước cháo với muối trắng.

Nước tắm rửa cho trẻ sơ sinh cũng được dùng nước lá tắm của người mẹ, nhưng không cho trẻ uống nước lá đó.

Khi trẻ đầy tháng, nghĩa là người mẹ cũng hết thời gian ở cũ, lúc này người mẹ mới đi ra ngoài (Pay khai brou) nhằm báo cho mọi người biết rằng mình đã hết thời gian kiêng cũ và trẻ đã đầy tháng mụ.

IV. KẾT LUẬN

Qua những kinh nghiệm trên của người phụ nữ Nùng ở thượng du Yên

Thế, trong việc hạn chế đẻ, chăm sóc bà mẹ khi có thai, khi đẻ và trẻ sơ sinh, chúng tôi có một vài nhận xét như sau:

a. Từ xa xưa, trong truyền thống của người phụ nữ Nùng đã tự có ý thức hạn chế đẻ dày, đẻ nhiều (theo quan điểm của người Nùng), ý thức này được bảo lưu mang tính truyền thống và truyền lại cho những con gái trong gia đình, hoặc trong các thầy tào, thầy mo cách dùng lá "thuốc dấu", để có kế hoạch sinh đẻ theo ý muốn của mình. Đây là bài thuốc quý của phụ nữ người Nùng cần được khai thác, nghiên cứu, phổ biến rộng rãi, không chỉ ở các tộc người thiểu số mà còn áp dụng cho cả phụ nữ người Kinh trên diện rộng, nhằm góp phần tích cực trong việc hạ tỷ lệ sinh trong phạm vi toàn quốc và từng vùng, miền khác nhau. Vấn đề này các nhà khoa học, UBQGDS-KHHGDĐ trung ương; ngành y tế Việt Nam cần đầu tư nghiên cứu để áp dụng trong việc kế hoạch hoá gia đình.

b. Vấn đề chăm sóc sức khoẻ bà mẹ mang thai, khi sinh đẻ và trẻ sơ sinh của phụ nữ Nùng là vấn đề kinh nghiệm, tri thức địa phương. Kinh nghiệm và tri thức đó trở thành tri thức của phụ nữ tộc người Nùng. Đó là vấn đề khoa học, một vấn đề truyền thống trong việc chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ sơ sinh của phụ nữ Nùng ở thượng du Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Tác giả đã từng có thời gian sống cùng làng với người Nùng ở thượng du Yên Thế và khi người thân của mình sinh đẻ, đã áp dụng các bài thuốc lá tắm, kể cả các món ăn cho người đẻ, trẻ sơ sinh, thì thấy kết quả rất tốt: người đẻ tăng cân nhanh, hồng hào, khoẻ mạnh, đi lại nhanh nhẹn, mau chóng hết máu hôi và không có các triệu chứng đau đầu, ù tai, hoa mắt, chóng mặt, mỏi gối. Với trẻ sơ sinh không thấy hiện tượng hăm bẹn, lở ngứa, tróc đầu, đặc biệt là không bị bệnh (xem tiếp trang 21)